TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 139/2023/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 08 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN TẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 143/2023/TLST-HNGĐ ngày 02/8/2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 43/37 Lê Hữu T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn T2**, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 43/37 Lê Hữu T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31/8/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa Tận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn T2 *(Do công nhận sự Tận tình ly hôn giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn T2 nên giấy chứng*

nhận kết hôn số 36 do UBND phường A, quận S cấp ngày 27/12/1986 không còn giá trị pháp lý).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn T2 thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Bà T và ông T2 xác định vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Đ, sinh ngày 11/04/1988 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 23/02/1993. Các con đã trưởng thành nên không đề cập đến.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T2 xác định không có.

3. Án phí HNGĐ-ST: 150.000 đồng bà T tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003961 ngày 02/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Bà T được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Đông Thanh